

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Thông tin chung

Tên ngành đăng ký:	Quản lý đất đai
Tên chương trình:	Tiếng Việt: Quản lý đất đai Tiếng Anh: Land Management
Mã số:	8850103
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
Bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản lý đất đai

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Quy định kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ;

- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ, trình độ Tiến sĩ;

- Quy chế Đào tạo Thạc sĩ của Trường Đại học Mở - Địa chất kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-MĐC ngày 16/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất;

- Quyết định số 2476/QĐ - BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2012 - 2020;

- Quyết định số 1892/QĐ - TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành quản lý đất đai giai đoạn 2011 - 2020;

- Chương trình Đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai được xây dựng trên cơ sở tham khảo Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

- Yêu cầu về chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai được thiết kế theo định hướng ứng dụng, chú trọng khả năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về quản lý và sử dụng đất đai. Chương trình đào tạo bao gồm các nội dung cần thiết của ngành, giảm bớt đến mức có thể thời gian học trên lớp để tăng thời lượng cho việc tự học với sự hướng dẫn thường xuyên của các nhà khoa học thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của bộ môn chủ quản và các đề tài nghiên cứu khoa học. Đồng thời, chương trình cũng được xây dựng để đảm bảo việc nhất quán với khối kiến thức chung trong ngành, từng bước hướng tới đạt trình độ khu vực và quốc tế, đảm bảo liên thông đào tạo với các trường Đại học trong và ngoài nước. Chương trình cũng phải đảm bảo các yêu tố hiện đại, đưa vào các môn học chuyên sâu, có tính công nghệ cao và cho phép lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của khoa học và công nghệ.

1.3. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức

liên ngành; có trình độ chuyên môn sâu về lý luận, phương pháp luận trong lĩnh vực khoa học Quản lý và sử dụng đất đai trong tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực quản lý đất đai và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo; có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Mục tiêu cụ thể:

Kết thúc khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai, người học nắm chắc các kiến thức cơ bản và những kỹ thuật mang tính cập nhật cao trong lĩnh vực Quản lý đất đai để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có tư duy phản biện; có kiến thức tổng hợp về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ môi trường đất; Phân tích, đánh giá chiến lược chính sách đất đai; Thiết kế và triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Quản lý đất đai; Nghiên cứu quản lý và sử dụng đất, tích hợp với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

Thạc sĩ Quản lý đất đai sau khi tốt nghiệp có khả năng phát huy và sử dụng có hiệu quả các kiến thức đã được đào tạo chuyên sâu vào công việc tại các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Về kiến thức:

- Cung cấp những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất.

- Cung cấp kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, quản lý thị trường bất động sản.

Về kỹ năng:

- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết;

- Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai;

- Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

- Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có trách nhiệm cao trong nghề nghiệp, đời sống xã hội và hợp tác trong công việc. Thích ứng linh hoạt với tình hình chính trị - an ninh - kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, các môi trường làm việc khác nhau.

1.4. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp sau:

1.4.1. Về kiến thức

+ Hiểu, phân tích, đánh giá và củng cố được tri thức triết học cho hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Ứng dụng được các tri thức của triết học vào thực tiễn đời sống.

+ Ứng dụng các công nghệ hiện đại và phần mềm tin học chuyên ngành vào thiết kế xây dựng lưới trắc địa; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và môi trường.

+ Ứng dụng được phương pháp toán, mô hình tối ưu, công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong công tác quy hoạch và quản lý đất đai;

+ Tổng hợp các kiến thức về tài chính đất đai, hệ thống quản lý đất đai phát triển, thị trường bất động sản, quản lý địa giới hành chính và quy hoạch đất đai để phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan.

+ Vận dụng kiến thức về chất lượng đất, thủy văn, cơ sở dữ liệu đất đai để bố trí phương án quy hoạch sử dụng đất, quản lý quy hoạch nông thôn, phát triển không gian và lựa chọn đầu tư cho một vùng lãnh thổ cụ thể.

+ Tổng hợp các kiến thức chuyên môn và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành quản lý đất đai.

+ Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác quản lý đất đai.

+ Vận dụng những kiến thức về viễn thám, sử dụng đất, quy hoạch, chính sách đất đai và thị trường bất động sản vào nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế, quản lý, bảo vệ môi trường và quản lý lưu vực trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

1.4.2. Về kỹ năng

+ Giải quyết sáng tạo và hiệu quả các vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng đất đai đối với một vùng lãnh thổ cụ thể.

+ Đánh giá thực trạng và những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai và thị trường bất động sản.

+ Độc lập nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến chính sách và công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.

+ Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý văn bản và phần mềm bảng tính ở mức nâng cao; Phân tích, lý giải được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Sử dụng được phần mềm quản trị CSDL để lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu một cách khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành và công nghệ viễn thám trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên đất đai và môi trường.

+ Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; Giao tiếp được trong các tình huống thông thường và tình huống có liên quan đến chuyên môn; Hiểu và viết được một đoạn văn liên quan đến chủ đề thông thường và một báo cáo tóm tắt liên quan đến chuyên môn; Giải thích và trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện được một vấn đề chuyên môn.

1.4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Phát hiện và đề xuất những sáng kiến để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

+ Tổng hợp và đưa ra những kết luận chuyên môn trên cơ sở các lý luận khoa học về các vấn đề phức tạp của lĩnh vực quản lý đất đai

+ Có khả năng đưa ra những kết luận chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời có những lý luận phù hợp để bảo vệ được những kết luận đã đưa ra.

+ Xây dựng và thẩm định các báo cáo khoa học và dự án nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

+ Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất;

+ Điều hành, quản lý nhóm để xử lý các vấn đề lớn của ngành quản lý đất đai như: lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập và quản lý hồ sơ địa chính; tài chính đất đai, thu hồi đất...

+ Định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.

+ Điều hành, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

1.4.4. Định hướng nghề nghiệp của học viên tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý đất đai có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên, lãnh đạo tại các cơ quan sau:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng;

+ Tổng cục Quản lý đất đai, Viện nghiên cứu Quản lý đất đai, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp, Viện Nông hóa thổ nhưỡng, Hội Trắc địa bản đồ Việt Nam; Hội Khoa học đất; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn...

+ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án các quận, huyện, thị xã;

+ Cán bộ địa chính - xây dựng, thanh tra xây dựng tại các xã, phường, thị trấn;

+ Tổng Công ty Tài nguyên môi trường, công ty đo đạc thành lập bản đồ;

+ Trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng;

+ Trung tâm định giá đất, môi giới nhà đất, các sàn giao dịch bất động sản và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai;

+ Giảng viên ngành quản lý đất đai, địa chính tại các trường đại học, cao đẳng.

1.4.5. Định hướng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý đất đai có thể học tiếp chương trình đào tạo tiến sĩ các ngành Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ; Bản đồ & GIS; Viễn thám và GIS...

1.4.6. Các chương trình, tài liệu đã tham khảo

+ Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

+ Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

+ Đại học Aalborg Đan Mạch (Aalborg University Denmark)

+ Đại học Technische Đức (Technische Universität München)

1.5. Khối lượng kiến thức

1.5.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo cao học được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế Đào tạo thạc sĩ của Nhà trường là :

- Khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

Nội dung chương trình gồm: Nhóm các học phần bắt buộc, Nhóm các học phần tự chọn và Luận văn Thạc sĩ. Chi tiết số học phần và số tín chỉ được thể hiện qua bảng 3.1.

Bảng 1: Số học phần và số tín chỉ yêu cầu trong chương trình đào tạo

	Nội dung	Khối lượng (TC)
Phần 1. Nhóm các học phần bắt buộc	Học phần học chung	3
	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu	24

Phần 2. Nhóm các học phần tự chọn	22
Phần 3. Luận văn thạc sĩ	11
TỔNG SỐ	60

1.5.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 2: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên các học phần		Khối lượng (TC)		
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL
I	Nhóm các học phần bắt buộc			27		
I.1	Các học phần học chung			3		
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3	0
I.2	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu			24		
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	Informatics in Land Management	3	2	1
3	8050409	Trắc địa nâng cao	Advanced Surveying	2	2	0
4	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	Application of Remote Sensing GIS for Land Administration	2	1.5	0.5
5	8050615	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	Legal System of Land Management	3	2.5	0.5
6	8050614	Tài chính đất đai	Land Finance	3	2	1
7	8050616	Quy hoạch không gian	Spatial Planning	3	2	1
8	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	System of Land Change Updating Management	3	2	1
9	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	Design and Construction of Land Information Systems	2	2	0
10	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	Land Data Standard and Standardisation	3	2.5	0.5
II	Các học phần tự chọn			22		
11	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	System Management of Estate Market	2	1	1
12	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	Geomatic methods for Land Administration	3	2	1
13	8050612	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất	Principles Landscape Ecology for Land Use Planning	2	1.5	0.5
14	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	Application of Mathematical Model in	3	2	1

			Land Use Planning			
15	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	Spatial modeling and analysis.	3	3	0
16	8050619	Phân tích chính sách đất đai	Land policy analysis	2	1	1
17	8050613	Quản lý địa giới hành chính	Management of Administrative Boundaries	2	1	1
18	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Multipurpose Land Database	3	2	1
19	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	Modern Land Management System	2	2	0
20	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	Network solutions in GIS	3	2	1
21	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	Sustainable for Agricultural Land Use	3	2	1
22	8050219	Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Application of Global Navigation Satellite System in Land Administration	2	2	0
23	8050111	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	Management and Supervision of Construction works in Land Use	2	2	0
24	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Application of GIS in Land management	2	2	0
III	Luận văn thạc sĩ			11		
25	8050622	Luận văn Thạc sĩ	Master Thesis	11	0	11
		Tổng		60		

Bảng 3. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã số	Tên các học phần	TC	Học kỳ	Giảng viên
I	Nhóm các học phần bắt buộc		27		
I.1	Các học phần học chung				
1	8020101	Triết học	3	I	TS.Nguyễn Thị Phương TS. Trần Thị Lan Hương
I.2	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu		24		
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	3	I	TS. Phạm Thế Huynh TS. Đinh Hải Nam
3	8050409	Trắc địa nâng cao	2	I	GS. TSKH. Hoàng Ngọc Hà TS. Đinh Công Hòa TS. Dương Thành Trung
4	8050615	Hệ thống pháp luật về quản	3	I	TS. Nguyễn Tiến Sỹ

		lý đất đai			PGS.TS. Phan Thị Thanh Huyền TS. Nguyễn Thị Ngọc Lanh
5	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2	I	TS. Nguyễn Thế Công PGS.TS. Nguyễn Quang Minh
6	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	3	II	PGS.TS. Nguyễn Quang Minh TS. Đinh Hải Nam
7	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	2	II	PGS.TS. Trần Xuân Trường PGS.TS. Nguyễn Văn Trung
8	8050614	Tài chính đất đai	3	II	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lanh TS. Nguyễn Văn Quân TS. Phạm Thị Phin
9	8050616	Quy hoạch không gian	3	II	TS. Nguyễn Thị Kim Yên TS. Trần Xuân Miến
10	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	3	II	TS. Trần Thùy Dương TS. Vũ Văn Trí
II	Các học phần tự chọn (Kỳ I chọn 11TC, kỳ II chọn 11 TC)		22		
11	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	3	I	TS. Trần Thùy Dương GS.TSKH. Hoàng Ngọc Hà
12	8050619	Phân tích chính sách đất đai	2	I	TS. Nguyễn Tiên Sỹ TS. Nguyễn Văn Quân TS. Nguyễn Thị Ngọc Lanh
13	8050613	Quản lý địa giới hành chính	2	I	TS. Đinh Hải Nam TS. Đinh Công Hòa PGS.TS. Nguyễn Văn Sáng
14	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	3	I	TS. Nguyễn Thị Kim Yên TS. Phạm Thị Phin TS. Nguyễn Tiên Sỹ
15	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	2	I	PGS.TS. Bùi Ngọc Quý TS. Đỗ Thị Phương Thảo TS. Trần Quỳnh An
16	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	2	I	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lanh TS. Nguyễn Văn Quân PGS.TS. Phan Thị Thanh Huyền
17	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	3	I	TS. Phạm Thế Huỳnh GS.TSKH. Hoàng Ngọc Hà TS. Trần Quỳnh An
18	8050612	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất	2	II	TS. Phạm Thị Phin TS. Nguyễn Thị Kim Yên
19	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	3	II	TS. Trần Xuân Miến TS. Nguyễn Thế Công
20	8050111	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	2	II	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà TS. Phạm Quốc Khánh PGS.TS. Lê Đức Tình
21	8050219	Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	II	PGS.TS. Nguyễn Văn Sáng TS. Vũ Văn Trí PGS.TS. Dương Văn Phong
22	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	3	II	TS. Trần Thùy Dương TS. Vũ Văn Trí

23	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	3	II	TS. Nguyễn Thế Công PGS.TS. Nguyễn Quang Minh
24	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	2	II	PGS.TS. Nguyễn Quang Minh PGS.TS. Phan Thị Thanh Huyền TS. Nguyễn Thị Ngọc Lanh
III	Luận văn thạc sĩ		11		
25	8050622	Luận văn thạc sĩ	11	III	
	Tổng		60		